

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG ĐH PHẠM VĂN ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT KẾT QUẢ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
TIẾNG ANH BẬC 2 THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM**

Khoá thi ngày 11/04/2021

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVĐ ngày tháng năm 2021)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				ĐTB	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói			
1	Đinh Thị Anh	31/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	6.0	24.0	17.0	20.0	6.5	Đạt	
2	Phạm Nguyễn Kim Anh	14/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6.0	24.0	19.0	18.0	6.5	Đạt	
3	Phạm Thị Côn	29/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	6.0	24.0	20.0	18.0	7.0	Đạt	
4	Dương Đình Mỹ Duyên	25/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13.0	22.0	18.0	15.0	7.0	Đạt	
5	Huỳnh Thị Duyên	30/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7.0	23.0	18.0	20.0	7.0	Đạt	
6	La Tú Duyên	18/06/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9.0	22.0	16.0	21.0	7.0	Đạt	
7	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	21/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9.0	20.0	20.0	17.0	6.5	Đạt	
8	Hồ Thị Đen	03/06/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kdong	7.0	23.0	19.0	19.0	7.0	Đạt	
9	Nguyễn Đoàn	18/08/1972	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11.0	24.0	19.0	17.0	7.0	Đạt	
10	Trương Thị Mỹ Giang	18/10/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	11.0	24.0	20.0	21.0	7.5	Đạt	
11	Hồ Thị Hà	23/05/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kor	9.0	23.0	21.0	17.0	7.0	Đạt	
12	Bùi Thiên Hải	11/07/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9.0	23.0	18.0	18.0	7.0	Đạt	
13	Hà Thị Mỹ Hạnh	30/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6.0	23.0	16.0	20.0	6.5	Đạt	
14	Nguyễn Thị Hậu	25/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6.0	23.0	16.0	21.0	6.5	Đạt	
15	Mai Thị Minh Hiền	11/08/1982	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9.0	23.0	15.0	20.0	6.5	Đạt	
16	Trần Văn Hiền	02/07/1985	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	13.0	22.0	14.0	15.0	6.5	Đạt	
17	Nguyễn Thị Hiếu	16/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10.0	23.0	17.0	18.0	7.0	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				ĐTB	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói			
18	Hồ Thanh Hoàng	18/06/1983	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	10.0	23.0	17.0	18.0	7.0	Đạt	
19	Trần Đức Hùng	20/08/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6.0	24.0	16.0	17.0	6.5	Đạt	
20	Dương Thành Huy	28/08/1984	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6.0	23.0	18.0	18.0	6.5	Đạt	
21	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/05/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8.0	23.0	17.0	18.0	6.5	Đạt	
22	Võ Đông Khá	15/12/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	12.0	20.0	20.0	19.0	7.0	Đạt	
23	Võ Văn Khánh	20/09/1986	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	11.0	19.0	15.0	21.0	6.5	Đạt	
24	Đặng Thị Út Lệ	20/12/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15.0	21.0	18.0	22.0	7.5	Đạt	
25	Tạ Minh Lộc	18/12/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	15.0	23.0	19.0	20.0	7.5	Đạt	
26	Phan Thành Luân	16/02/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14.0	23.0	18.0	22.0	7.5	Đạt	
27	Trần Thị Ngân Lượng	22/02/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	14.0	23.0	18.0	20.0	7.5	Đạt	
28	Nguyễn Thị Trúc Mai	03/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13.0	23.0	17.0	19.0	7.0	Đạt	
29	Lê Quang Mãng	20/06/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17.0	22.0	22.0	15.0	7.5	Đạt	
30	Lê Thị Diễm My	01/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	17.0	22.0	21.0	16.0	7.5	Đạt	
31	Nguyễn Văn Năng	12/04/1969	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17.0	22.0	21.0	19.0	8.0	Đạt	
32	Lê Thị Thu Nương	14/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15.0	22.0	21.0	21.0	8.0	Đạt	
33	Trần Thị Ngà	05/02/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15.0	23.0	20.0	18.0	7.5	Đạt	
34	Ngô Trần Nữ Nhanh	03/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16.0	23.0	20.0	17.0	7.5	Đạt	
35	Nguyễn Thị Ái Nhi	13/06/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15.0	23.0	19.0	18.0	7.5	Đạt	
36	Phan Thị Oanh	19/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13.0	22.0	20.0	16.0	7.0	Đạt	
37	Hồ Quang Phát	03/07/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14.0	22.0	20.0	15.0	7.0	Đạt	
38	Huỳnh Thị Phúc	30/12/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	14.0	23.0	20.0	20.0	7.5	Đạt	
39	Phạm Thị Quê	03/03/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	17.0	23.0	17.0	18.0	7.5	Đạt	
40	Nguyễn Thị Sung	10/11/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	14.0	22.0	20.0	16.0	7.0	Đạt	

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				ĐTB	Kết quả	Ghi chú
						Nghe	Đọc	Viết	Nói			
41	Đoàn Thị Phương Tâm	06/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16.0	22.0	20.0	16.0	7.5	Đạt	
42	Đinh Thị Hà Tiên	19/05/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	17.0	22.0	18.0	17.0	7.5	Đạt	
43	Tô Văn Tín	17/03/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17.0	23.0	14.0	18.0	7.0	Đạt	
44	Nguyễn Thanh Tuấn	10/09/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17.0	22.5	16.0	20.0	7.5	Đạt	
45	Võ Thị Ánh Tuyết	15/12/1977	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	15.0	23.0	18.0	15.0	7.0	Đạt	
46	Đinh Thị Tha	25/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	14.0	22.0	20.0	15.0	7.0	Đạt	
47	Lê Hiếu Thành	25/07/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14.0	22.0	20.0	20.0	7.5	Đạt	
48	Đặng Như Thảo	02/11/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13.0	22.0	20.0	20.0	7.5	Đạt	
49	Hồ Thị Thảo	08/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kor	12.0	21.0	19.0	19.0	7.0	Đạt	
50	Lê Linh Phương Thảo	14/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19.0	23.0	19.0	21.0	8.0	Đạt	
51	Đinh Thị Thỏa	24/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	20.0	21.0	19.0	15.0	7.5	Đạt	
52	Nguyễn Hữu Thuận	16/07/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	20.0	22.0	19.0	19.0	8.0	Đạt	
53	Lê Nguyễn Quỳnh Thúy	31/07/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	21.0	22.0	18.0	17.0	8.0	Đạt	
54	Nguyễn Bảo Anh Thư	15/11/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16.0	22.0	20.0	18.0	7.5	Đạt	
55	Phạm Thị Thu Trang	06/04/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	19.0	22.0	20.0	20.0	8.0	Đạt	
56	Đinh Thị Tréo	03/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Hre	15.0	20.5	18.0	19.0	7.5	Đạt	
57	Nguyễn Thị Tường Vi	02/06/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	13.0	21.5	20.0	22.0	7.5	Đạt	
58	Nguyễn Thế Viên	28/11/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	14.0	21.0	17.0	23.0	7.5	Đạt	
59	Nguyễn Thiên Vũ	15/04/1987	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	17.0	22.0	18.0	17.0	7.5	Đạt	
60	Phạm Thị Tường Vy	10/02/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	16.0	22.0	19.0	16.0	7.5	Đạt	
61	Trần Thị Thanh Vy	28/05/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	12.0	22.0	19.0	16.0	7.0	Đạt	
62	Lý Kỳ Xuyên	19/08/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Tày	11.0	22.0	20.0	15.0	7.0	Đạt	

Danh sách này có: 62 thí sinh.